|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN ĐẮK MIL**PHÒNG LAO ĐỘNG****THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

|  |  |
| --- | --- |
| Số: /BC-LĐTBXH |  *Đắk Mil, Ngày tháng 10 năm 2024* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil

 Thực hiện Công văn số 2755/UBND-VP ngày 04/10/2024 của UBND huyện về việc báo cáo, tài liệu phục vụ họp đánh giá tình hình KT-XH 09 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 03 tháng cuối năm 2024.

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện (tính đến ngày 30/9/2024), cụ thể như sau:

**1. Kết quả thực hiện**

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, tính đến thời điểm 20/9/2024:

- Tổng kinh phí được phân bổ để thực hiện 05 Dự án và 05 tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Đắk Mil là 29.735 triệu đồng *(trong đó: Đã phân bổ 28.897 triệu đồng, chưa phân bổ là 838 triệu đồng).*

- Tổng kinh phí đã thực hiện giải ngân là 10.105,6 triệu đồng (chiếm 34%)

Trong đó:

+ Vốn đầu tư phát triển là 3.845/3.989 triệu đồng, chiếm 96,3%

+ Vốn sự nghiệp là 6.260,6/25.746 triệu đồng, chiếm 24,3%

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

 **2. Khó khăn, vướng mắc**

-Hiện nay Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 đã thay thế Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 26/11/2013, do đó dẫn đến các cơ quan, đơn vị còn lúng túng trong việc thực hiện dẫn đến tỉ lệ giải ngân còn chậm, thấp.

 - Việc thực hiện chương trình giảm nghèo trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn trong việc lựa chọn, xây dựng và phê duyệt dự án theo quy định mới *(như: công tác thẩm định dự án, giao kinh phí mua sắm con giống, vật tư, công cụ...)* nên dẫn đến tiến độ triển khai thực hiện dự án chậm.

 **3. Các nhiệm vụ, giải pháp**

 - Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để đánh giá kịp thời tình hình triển khai thực hiện các CTMTQG tại địa phương nhằm đảm bảo các chính sách giảm nghèo, đảm bảo tỉ lệ giải ngân theo quy định;

 - Thực hiện tốt nhiệm vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm bảo đảm chính xác, đúng tiến độ;

 - Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức và nhân dân về nhiệm vụ giảm nghèo bền vững, đặc biệt là chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, đảm bảo huy động sự vào cuộc của toàn hệ thống chính trị, trong đó chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng và các tổ chức thành viên Mặt trận Tổ quốc các cấp;

**4. Dự kiến kinh phí giải ngân trong thời gian tới (giai đoạn 2022-2024)**

- Đối với dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giàm nghèo, dự kiến đến 31/12/2024 giải ngân đạt 15.000/18.564 triệu đồng, chiếm 81%;

- Đối với dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và cải thiện dinh dưỡng dự kiến đến 31/12/2024 giải ngân 4.000/4.624 triệu đồng, chiếm 86%;

- Đối với dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn và hỗ trợ việc làm bền vững dự kiến đến 31/12/2024 giải ngân đạt 5.000/5.899 triệu đồng, chiếm 84%;

- Đối với dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều dự kiến đến 31/12/2024 giải ngân đạt 137/183 triệu đồng, chiếm 75%;

- Đối với dự án 7: Nâng cao năng lực, giám sát chương trình dự kiến giải ngân đến 31/12/2024 đạt 1.100/1.671 triệu đồng, chiếm 72%.

Trên đây là báo cáo phục vụ họp đánh giá tình hình KT-XH 09 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 03 tháng cuối năm 2024 của Lao động - Thương binh và Xã hội.

Kính đề nghị UBND huyện tổng hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như kính gửi;- Văn phòng HĐND-UBND huyện;- Lưu: VT. | **TRƯỞNG PHÒNG** **Lê Văn Điệp** |

**PHỤ LỤC CHI TIẾT NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA ĐÃ THỰC HIỆN GIẢI NGÂN (tính đến 30/9/2024)**

 *Đơn vị tính: nghìn đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Chương trình/Dự án, tiểu dự án** | **Tổng cộng** | **Tổng vốn 2022** | **Kết quả giải ngân Năm 2022** | **Tổng vốn 2023** | **Kết quả giải ngân Năm 2023** | **Tổng vốn 2024** | **Kết quả giải ngân Năm 2024** | **TỔNG SỐ ĐÃ GIẢI NGÂN** |
|  **Vốn TW**  |  **Vốn ĐP**  |  **Vốn TW**  |  **Vốn ĐP**  |  **Vốn TW**  |  **Vốn ĐP**  |
|  | **TỔNG CỘNG (I + II+ III+IV+V)** |  **29.735.000**  |  **7.631.000**  |  **5.051.000**  |  **542.000**  |  **10.230.000**  |  **3.709.467**  |  **645.900**  |  **11.874.000**  |  **138.300**  |  **19.000**  |  **10.105.667**  |
| **I** | **Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo** |  **10.215.000**  |  **1.405.000**  |  1.277.000  |  **-**  |  **3.539.000**  |  **1.792.700**  |  322.000  |  **5.271.000**  |  |  |  **3.391.700**  |
| **II** | **Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**  |  **4.628.000**  |  **607.000**  |  **481.000**  |  **55.000**  |  **2.060.000**  |  **896.900**  |  **94.000**  |  **1.961.000**  |  **-**  |  **-**  |  **1.526.900**  |
| **1** | Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp |  **4.129.000**  |  607.000  |  481.000  |  55.000  |  1.561.000  |  896.900  |  90.000  |  1.961.000  |  -  |  -  |  1.522.900  |
| **2** | Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng |  **499.000**  |   |   |   |  499.000  |  -  |  4.000  |   |   |   |  4.000  |
| **III** | **Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững** |  **13.038.000**  |  **5.265.000**  |  **2.971.000**  |  **455.000**  |  **4.073.000**  |  **869.700**  |  **178.900**  |  **3.700.000**  |  **138.300**  |  **19.000**  |  **4.631.900**  |
| **1** | Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn |  **11.896.000**  |  5.114.000  |  2.834.000  |  441.000  |  3.636.000  |  692.700  |  138.900  |  3.146.000  |  -  |  -  |  4.106.600  |
| **2** | Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững |  **1.142.000**  |  151.000  |  137.000  |  14.000  |  437.000  |  177.000  |  40.000  |  554.000  |  138.300  |  19.000  |  525.300  |
| **IV** | **Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo thông tin** |  **183.000**  |  |  **-**  |  **-**  |  |  **-**  |  **-**  |  **183.000**  |  **-**  |  **-**  |  **-**  |
|  | Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều |  **183.000**  |   |   |   |   |   |   |  183.000  |  -  |  -  |  -  |
| **V** | **Dự án 7: Nâng cao năng lực, giám sát và đánh giá chương trình** |  **1.671.000**  |  **354.000**  |  **322.000**  |  **32.000**  |  **558.000**  |  **150.167**  |  **51.000**  |  **759.000**  |  **-**  |  **-**  |  **555.167**  |